| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG TRẠCH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2023
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Anh Huê và ông Tưởng Ngọc Anh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/8/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Võ Thị L; nơi cư trú: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Võ Xuân T; nơi cư trú: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, bản tự khai, đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày*: Chị và anh Võ Xuân T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình từ năm 1990. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình

cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy nguyện vọng xin ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Theo chị L thì giữa vợ chồng có 04 con chung là Võ Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/1991; Võ Minh T, sinh ngày 16/5/1994; Võ Văn T, sinh ngày 08/7/2003 và Võ Minh Đ, sinh ngày 29/12/2013. Đối với 03 con là Võ Thị Thanh L, Võ Minh T và Võ Văn T hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các con muốn ở với ai là do các con tự quyết định, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng giao con chung là Võ Minh Đ cho anh Võ Xuân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con vì do hiện tại đang khó khăn về kinh tế nên chị chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, khi nào có chị sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, ý kiến xin xét xử, giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Võ Xuân T trình bày*: Về quan hệ hôn nhân thì giữa anh và chị Võ Thị L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình từ năm 1990. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và có được 04 con chung. Sau đó, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh T trình bày nguyện vọng là mong muốn vợ chồng được quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng nếu chị L kiên quyết xin được ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung bao gồm: Võ Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/1991; Võ Minh T, sinh ngày 16/5/1994; Võ Văn T, sinh ngày 08/7/2003 và Võ Minh Đ, sinh ngày 29/12/2013. Trường hợp nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Minh Đ cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Còn 03 con là Võ Thị Thanh L, Võ Minh T và Võ Văn T hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các con muốn ở với ai là do các con tự quyết định, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý

cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chị Võ Thị L và bị đơn anh Võ Xuân T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 14; Điều 15, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L; về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T là vợ chồng; về quan hệ con chung: Giao con chung Võ Minh Đ, sinh ngày 29/12/2013 cho anh Võ Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; về án phí: Buộc chị Võ Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Võ Xuân T và quyền nuôi dưỡng con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị L, anh Võ Xuân T yêu cầu xin xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T mặc dù thống nhất trình bày, giữa hai người có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào năm 1990. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn giữa hai anh chị. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, giữa anh Võ Xuân T và chị Võ Thị L không có đăng ký kết hôn.

Mặt khác, anh chị sống chung với nhau đã lâu, biết rõ mình chưa đăng ký kết hôn, không có giấy chứng nhận kết hôn, có đủ điều kiện kết hôn và luật pháp khuyến khích việc đi đăng ký kết nhưng lại không chấp hành, không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền mà vẫn sống chung cùng nhau cho đến nay. Do không đăng ký kết hôn theo quy định nên cuộc sống chung của chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy,

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T có 04 con chung tên là Võ Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/1991; Võ Minh T, sinh ngày 16/5/1994; Võ Văn T, sinh ngày 08/7/2003 và Võ Minh Đ, sinh ngày 29/12/2013. Do không đăng ký kết hôn theo quy định nên Tòa án không công nhận anh Võ Xuân T và chị Võ Thị L là vợ chồng nhưng quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung của chị L, anh T thì hiện tại các con Võ Thị Thanh L, Võ Minh T và Võ Văn T là những người đã trưởng thành, có khả năng tự lao động tạo ra thu nhập tự nuôi sống bản thân mình nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với con Võ Minh Đ hiện đang còn nhỏ, sinh sống phụ thuộc vào gia đình nên khi giải quyết tình cảm vợ chồng của chị L, anh T cũng cần xem xét điều kiện, cơ sở mỗi bên, điều kiện phát triển lành mạnh, bình thường của cháu mà tiếp tục giao cho một trong hai bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh T có nguyện vọng mong muốn được nuôi dưỡng con chung và chị L cũng thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Xét điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 15, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Võ Minh Đ cho anh Võ Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T đã thống nhất tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Võ Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 14; Điều 15, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị L và anh Võ Xuân T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Võ Minh Đ, sinh ngày 29/12/2013 cho anh Võ Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Võ Xuân T không yêu cầu chị Võ Thị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị L phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002269 ngày 04/4/2023

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**